

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 31

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
THÙY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch	
Ông Hầu Văn Tuấn	Thành viên	
Ông Bùi Trung Trực	Thành viên	
Ông Lê Đình Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2016
Ông Nguyễn Quang Trung	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2016
Ông Mai Văn Dương	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 29/04/2016
Ông Lê Văn Quý	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 29/04/2016

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Tô Văn An	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2016
Ông Vũ Hồng Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2016
Ông Lê Huy Sáu	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 29/04/2016
Bà Nguyễn Thị Liên	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 29/04/2016
Bà Phạm Thị Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 29/04/2016
Ông Tô Văn An	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 29/04/2016

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Đình Hiến	Tổng Giám đốc
Ông Kim Ngọc Đăng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
THÙY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Đình Hiến
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Số: 17.128/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2017 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0425-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2017



Nguyễn Thụy Nhã Vy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
1875-2016-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
THÙY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		97.797.856.356	91.509.873.681
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	16.342.213.056	11.136.501.553
1. Tiền	111		16.342.213.056	9.436.501.553
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.700.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.654.881.137	72.770.372.128
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	48.567.203.538	62.552.740.826
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	23.764.233.613	458.491.200
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	99.580.000	7.369.580.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	2.223.863.986	2.389.560.102
III. Hàng tồn kho	140	5.7	6.197.515.440	7.603.000.000
1. Hàng tồn kho	141		6.197.515.440	7.603.000.000
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		603.246.723	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		603.246.723	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		100.928.687.498	99.884.007.339
I. Tài sản cố định	220		29.314.349.998	31.940.769.839
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	27.264.349.998	29.690.769.839
Nguyên giá	222		88.463.256.141	86.776.550.216
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(61.198.906.143)	(57.085.780.377)
2. Tài sản cố định vô hình	227		2.050.000.000	2.250.000.000
Nguyên giá	228		2.050.000.000	2.250.000.000
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		71.614.337.500	67.943.237.500
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.2	71.614.337.500	67.943.237.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		198.726.543.854	191.393.881.020

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		63.489.714.521	64.369.515.253
I. Nợ ngắn hạn	310		63.489.714.521	64.369.515.253
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	19.139.208.177	21.885.611.408
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	36.707.039.235	8.796.761.280
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.071.131.640	1.630.009.622
4. Phải trả người lao động	314		1.313.157.705	2.339.474.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		382.186.905	4.595.258.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		302.538.500	8.699.422.487
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	3.369.890.000	13.075.461.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.13	1.000.000.000	3.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		204.562.359	347.517.456
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		135.236.829.333	127.024.365.767
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	135.236.829.333	127.024.365.767
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		36.000.000.000	36.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		36.000.000.000	36.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.052.708.180	21.052.708.180
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		66.371.657.587	56.600.960.818
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.812.463.566	13.370.696.769
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.812.463.566	13.370.696.769
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		198.726.543.854	191.393.881.020



Lê Đình Hiến
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Hâu Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dũng
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	104.343.631.312	130.210.240.299
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	262.318.006	2.051.190.726
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		104.081.313.306	128.159.049.573
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	96.995.431.564	111.859.169.417
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.085.881.742	16.299.880.156
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	6.946.140.982	11.698.946.994
7. Chi phí tài chính	22	6.5	393.757.593	394.599.250
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>364.658.519</i>	<i>372.589.226</i>
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	6.990.699.789	9.269.863.678
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.647.565.342	18.334.364.222
10. Thu nhập khác	31	6.7	6.423.727.790	4.957.676.477
11. Chi phí khác	32		402.983	80.538.308
12. Lợi nhuận khác	40		6.423.324.807	4.877.138.169
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.070.890.149	23.211.502.391
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.258.426.583	2.640.805.622
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.812.463.566	20.570.696.769



Lê Đình Hiền
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Hầu Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dũng
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
THÙY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.070.890.149	23.211.502.391
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.8	11.096.657.055	11.046.046.539
Các khoản dự phòng	03		(2.000.000.000)	(500.000.000)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.005.548.677)	(14.027.565.304)
Chi phí lãi vay	06	6.5	364.658.519	372.589.226
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		11.526.657.046	20.102.572.852
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.154.509.009)	(5.176.384.577)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.405.484.560	4.940.425.555
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay)	11		11.143.816.368	3.507.978.014
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(603.246.723)	22.763.637
Tiền lãi vay đã trả	14		(364.658.519)	(372.589.226)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.11	(1.433.517.586)	(2.966.791.927)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(142.955.097)	(220.528.549)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.377.071.040	19.837.445.779
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.692.942.171)	(22.881.626.690)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.282.112.652	2.611.818.184
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(14.280.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.270.000.000	7.025.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.671.100.000)	(23.120.427.500)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.4	6.946.140.982	11.698.946.994
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.134.211.463	(38.946.289.012)

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	23.015.290.345
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	37.694.751.445	25.203.632.900
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(47.400.322.445)	(18.376.561.900)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	5.14.1	(3.600.000.000)	(12.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.305.571.000)	17.642.361.345
LƯU CHUYỂN THUẬN TRONG NĂM	50		5.205.711.503	(1.466.481.888)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.136.501.553	12.602.983.441
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.1	16.342.213.056	11.136.501.553



Lê Đình Hiền
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Hâu Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dũng
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 5800000424 ngày 29 tháng 06 năm 2016 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Ngày 13 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 04/GCN-SGDHN ngày 07 tháng 01 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 36.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 266 Hai Bà Trưng, Phường 06, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 94 nhân viên (31 tháng 12 năm 2015 là: 109 nhân viên).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Thi công các công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước. Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông;
- Sản xuất và cung ứng vật liệu xây dựng;
- Phun vữa xi măng, bê tông các công trình, khoan phụt vữa, dung dịch các loại;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các công ty con như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con trực tiếp:				
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.	56,16%	56,16%	56,16%
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	201/58 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty con gián tiếp:				
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	87 Phù Đổng Thiên Vương, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.	100,00%	100,00%	56,16%
Công ty Cổ phần Hiệp Thành	Thôn Hiệp Thành, xã Tam Bó, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng.	60,02%	60,02%	33,70%
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắk Nông	Thôn 12, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'Lấp, Tỉnh Đắk Nông.	100,00%	100,00%	56,16%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.4. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2016
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 07 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 06 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 – 05 năm

4.7. Tài sản cố định vô hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

4.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.9. Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây (mục 4.13).

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.13. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn và các chi phí khác.

4.16. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

4.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	185.593.211	902.582.706
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.156.619.845	8.533.918.847
Các khoản tương đương tiền	-	1.700.000.000
Cộng	16.342.213.056	11.136.501.553

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2. Đầu tư vào công ty con

	Tại ngày 31/12/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ Phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	48.493.910.000	166.121.280.000	-	44.822.810.000	110.182.100.000	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40 (*)	23.120.427.500	-	-	23.120.427.500	-	-
Cộng	71.614.337.500	166.121.280.000	-	67.943.237.500	110.182.100.000	-

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
THÙY LỢI LÂM ĐỒNG**Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty CP Tư Vấn XD Thủy Lợi 2	9.049.168.158	8.071.314.067
BQL Dự án PTNN Các Tỉnh Miền Trung	4.945.187.000	-
TT QL ĐT & XD Công trình Đơn Dương	9.979.900.172	3.096.800.245
BQLDA Nâng cao chất lượng ATSPNN Lâm đồng	-	9.622.475.500
Các khách hàng khác	23.569.882.890	35.424.098.866
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – xem thêm mục 8	1.023.065.318	6.338.052.148
Cộng	48.567.203.538	62.552.740.826

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Trả trước cho người bán:		
Các khách hàng khác	474.708.200	458.491.200
Trả trước cho người bán là các bên có liên quan – xem thêm mục 8	23.289.525.413	-
Cộng	23.764.233.613	458.491.200

5.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu cho vay cá nhân	99.580.000	-	119.580.000	-
Phải thu cho vay là các bên có liên quan	-	-	7.250.000.000	-
Cộng	99.580.000	-	7.369.580.000	-

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu cho Công ty Hà Hưng mượn nguyên liệu	699.885.717	-	1.047.158.500	-
Phải thu người lao động	1.523.978.269	-	1.342.401.602	-
Cộng	2.223.863.986	-	2.389.560.102	-

5.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.197.515.440	-	7.603.000.000	-

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2016	1.569.266.331	76.072.438.122	8.601.212.674	533.633.089	86.776.550.216
Mua trong năm	888.202.171	4.164.740.000	3.580.000.000	60.000.000	8.692.942.171
Thanh lý, nhượng bán	(157.011.249)	(5.668.077.142)	(1.044.560.218)	(136.587.637)	(7.006.236.246)
Tại ngày 31/12/2016	2.300.457.253	74.569.100.980	11.136.652.456	457.045.452	88.463.256.141
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2016	917.544.026	51.938.714.371	3.824.728.423	404.793.557	57.085.780.377
Khấu hao trong năm	42.284.712	9.726.639.433	1.254.110.831	73.622.079	11.096.657.055
Thanh lý, nhượng bán	(157.011.249)	(5.645.372.185)	(1.044.560.218)	(136.587.637)	(6.983.531.289)
Tại ngày 31/12/2016	802.817.489	56.019.981.619	4.034.279.036	341.827.999	61.198.906.143
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2016	651.722.305	24.133.723.751	4.776.484.251	128.839.532	29.690.769.839
Tại ngày 31/12/2016	1.497.639.764	18.549.119.361	7.102.373.420	115.217.453	27.264.349.998

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 39.204.172.790 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán:				
Công ty CP Gia Việt	3.240.891.448	3.240.891.448	-	-
Công ty TNHH Phước Tiến	2.490.531.681	2.490.531.681	2.490.531.681	2.490.531.681
Công ty CP Nền móng và Xây Dựng ACC-BVA	2.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH TM&DV Hoàng Nhân	1.957.163.543	1.957.163.543	297.568.543	297.568.543
Phải trả cho các đối tượng khác	6.757.585.725	6.757.585.725	13.360.935.133	13.360.935.133
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	2.693.035.780	2.693.035.780	2.736.576.051	2.736.576.051
Cộng	19.139.208.177	19.139.208.177	21.885.611.408	21.885.611.408

5.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
TT QLĐT& Khai thác Thủy lợi Công ty CP Thủy điện Phước Hòa	3.907.936.000	3.907.936.000	5.489.936.000	5.489.936.000
Ban Quản lý Thủy Lợi Thanh Hoá	24.000.000.000	24.000.000.000	-	-
Ban QLDA CDA Ngành NN&PTNT Bình Phước	-	-	1.314.478.000	1.314.478.000
Phải trả cho các đối tượng khác	8.799.103.235	8.799.103.235	886.200.000	886.200.000
			1.106.147.280	1.106.147.280
Cộng	36.707.039.235	36.707.039.235	8.796.761.280	8.796.761.280

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2016		Trong năm		Tại ngày 31/12/2016	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.165.667.089	3.017.220.907	3.423.106.460	-	759.781.536
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	330.339.620	1.258.426.583	1.433.517.586	-	155.248.617
Thuế thu nhập cá nhân	-	99.346.003	347.191.144	311.849.410	-	134.687.737
Thuế tài nguyên	-	28.574.220	63.712.500	74.306.220	-	17.980.500
Các loại thuế khác	-	6.082.690	359.528.960	362.178.400	-	3.433.250
Cộng	-	1.630.009.622	5.046.080.094	5.604.958.076	-	1.071.131.640

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.12. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	-	-	19.583.746.445	31.266.817.445	11.683.071.000	11.683.071.000
Vay các bên liên quan – Xem thêm mục 8	2.790.000.000	2.790.000.000	12.290.000.000	9.500.000.000	-	-
Vay các đối tượng khác	579.890.000	579.890.000	5.821.005.000	6.633.505.000	1.392.390.000	1.392.390.000
Cộng	3.369.890.000	3.369.890.000	37.694.751.445	47.400.322.445	13.075.461.000	13.075.461.000

Vay các đối tượng khác là khoản vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo lãi suất ngân hàng (8%/năm) và không có tài sản đảm bảo.

Vay bên liên quan là khoản vay của Ông Lê Đình Hiển, lãi suất 0% và không có tài sản đảm bảo – Xem thêm mục 8.

5.13. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản dự phòng bảo hành các công trình đã thi công.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.14. Vốn chủ sở hữu

5.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2015	20.000.000.000	14.131.963.290	46.400.960.818	15.374.425.793	95.907.349.901
Tăng vốn trong năm trước	16.000.000.000	6.920.744.890	-	-	22.920.744.890
Lãi trong năm trước	-	-	-	20.570.696.769	20.570.696.769
Chia cổ tức	-	-	-	(12.200.000.000)	(12.200.000.000)
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	10.200.000.000	(10.200.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(174.425.793)	(174.425.793)
Tại ngày 01/01/2016	36.000.000.000	21.052.708.180	56.600.960.818	13.370.696.769	127.024.365.767
Lãi trong năm nay	-	-	-	11.812.463.566	11.812.463.566
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	9.770.696.769	(9.770.696.769)	-
Chia cổ tức	-	-	-	(3.600.000.000)	(3.600.000.000)
Tại ngày 31/12/2016	36.000.000.000	21.052.708.180	66.371.657.587	11.812.463.566	135.236.829.333

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vốn góp của các cổ đông	36.000.000.000	36.000.000.000

5.14.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	3.600.000	3.600.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu thi công công trình thủy lợi	104.342.384.948	130.202.266.667
Doanh thu khác	1.246.364	7.973.632
Cộng	104.343.631.312	130.210.240.299
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 8	6.726.565.564	2.656.839.294

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản giảm giá hàng bán trong năm.

6.3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn thi công công trình	96.995.431.564	111.849.975.417
Giá vốn hoạt động khác	-	9.194.000
Cộng	96.995.431.564	111.859.169.417

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi	73.761.982	448.931.994
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.872.379.000	11.250.015.000
Cộng	6.946.140.982	11.698.946.994

6.5. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	364.658.519	372.589.226
Chi phí tài chính khác	29.099.074	22.010.024
Cộng	393.757.593	394.599.250

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.516.614.051	4.564.669.860
Chi phí vật liệu quản lý	4.800.260	227.000.945
Chi phí đồ dùng văn phòng	48.045.455	76.936.374
Chi phí khấu hao TSCĐ	965.805.125	1.083.214.994
Chi phí bằng tiền khác	2.455.434.898	3.318.041.505
Cộng	6.990.699.789	9.269.863.678

6.7. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.059.407.695	2.328.618.310
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	2.285.729.019	2.614.211.589
Thu nhập khác	78.591.076	14.846.578
Cộng	6.423.727.790	4.957.676.477

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.144.079.393	72.902.803.293
Chi phí nhân công	17.286.544.113	18.589.864.827
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.096.657.055	11.046.046.540
Chi phí dự phòng	1.000.000.000	3.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.823.619.668	4.343.068.821
Chi phí khác bằng tiền	4.229.746.564	6.306.824.059
Cộng	<u>102.580.646.793</u>	<u>116.188.607.540</u>

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	13.070.890.149	23.211.502.391
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	93.621.766	42.174.527
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(6.872.379.000)	(11.250.015.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	6.292.132.915	12.003.661.918
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20 %	22 %
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>1.258.426.583</u>	<u>2.640.805.622</u>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN: chi phí không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí không có chứng từ hợp lệ.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	37.694.751.445	25.203.632.900

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(47.400.322.445)	(18.376.561.900)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	Công ty con
2. Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	Công ty con
3. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con gián tiếp
4. Công ty TNHH MTV Bé Tông LBM Đắc Nông	Công ty con gián tiếp
5. Công ty Cổ phần Hiệp Thành	Công ty con gián tiếp
6. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu khách hàng:		
Công ty Cổ Phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	941.051.738	745.347.854
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	-	5.214.854.666
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	82.013.580	377.849.628
Cộng – Xem thêm mục 5.3	1.023.065.318	6.338.052.148
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 5.4:		
Công ty Cổ Phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	23.289.525.413	-
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả người bán – Xem thêm mục 5.9:		
Công ty Cổ Phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	-	(2.736.576.051)
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	(2.693.035.780)	-
	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vay – Xem thêm mục 5.12:		
Ông Lê Đình Hiến	(2.790.000.000)	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 266 Hai Bà Trưng, Phường 06,
Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ Phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	3.159.481.805	2.119.031.261
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	3.567.083.759	537.808.033
Cộng – Xem thêm mục 6.1	6.726.565.564	2.656.839.294

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Mua hàng và dịch vụ:		
Công ty Cổ Phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	981.961.805	5.606.634.309
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	4.902.759.800	-
Cộng	5.884.721.605	5.606.634.309

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Bán tài sản cố định:		
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng 40	1.300.000.000	-
Cộng	1.300.000.000	-

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Nhận cổ tức – Xem thêm mục 6.4:		
Công ty Cổ Phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	6.872.379.000	11.250.015.000
Cộng	6.872.379.000	11.250.015.000

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vay:		
Ông Lê Đình Hiến	12.290.000.000	400.000.000

Công ty cũng cung cấp và nhận tiền từ các bên liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay từ các bên liên quan chịu lãi suất là 0% đối với VND và không có thời gian hoàn trả cụ thể.

Cổ tức chi trả cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Cổ tức chi trả	456.600.000	1.578.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Thù lao và thu nhập	1.920.000.000	1.838.750.000
9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT		
	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	270.350.000	108.000.000

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính



Lê Đình Hiến
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Hâu Văn Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Dũng
Người lập